

# ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU NGOẠI NGỮ MỞ: TIẾP CẬN TỪ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Lê Thị Minh Thảo<sup>1</sup>

Email: thaoltm@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0001-2475-9367

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/05/2026

Ngày phản biện đánh giá: 02/07/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/07/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1368

**Tóm tắt:** *Làn sóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI - GenAI) đang định hình lại cách thức sản xuất và sử dụng tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) trong giáo dục đại học. Nghiên cứu phân tích bối cảnh chiến lược của Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) và đề xuất khung khái niệm 5A-OER tích hợp AI vào phát triển học liệu ngoại ngữ mở. Trên cơ sở phân tích tài liệu các văn bản chiến lược của Trường Đại học Mở Hà Nội và các nghiên cứu đã công bố về AI trong dạy, học tiếng Anh (EFL), khung gồm năm trụ cột: đồng kiến tạo học liệu, cá nhân hóa lộ trình học, phản hồi tự động, luyện kỹ năng tương tác và phân tích học tập. Năm trụ cột được ánh xạ với triết lý 5 Mở của Trường Đại học Mở Hà Nội và kèm theo khung quản trị bốn cấp để kiểm soát các rủi ro về chất lượng, quyền riêng tư, định kiến thuật toán, liên chính học thuật và phụ thuộc công nghệ. Kết quả nghiên cứu cung cấp khung tham chiếu cho các trường đại học mở tại Việt Nam và khu vực ASEAN trong việc tích hợp AI vào hệ sinh thái học liệu ngoại ngữ mở trong bối cảnh chuyển đổi số.*

**Từ khóa:** *trí tuệ nhân tạo, tài nguyên giáo dục mở, học liệu mở, ngoại ngữ, đại học mở*

## I. Đặt vấn đề

Hai thập kỷ qua chứng kiến những chuyển biến lớn trong giáo dục đại học toàn cầu diễn ra song hành: tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) và làn sóng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) trong dạy và học. UNESCO (2019) định nghĩa OER là các tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu được cấp phép mở. Sự xuất hiện của AI tạo sinh (Generative AI - GenAI) từ

cuối năm 2022 đang định hình lại cách thức sản xuất, phân phối và sử dụng nội dung học tập (Bozkurt và cộng sự, 2023).

Đối với đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh (English as a Foreign Language - EFL), giao điểm giữa OER và AI mang đến cơ hội mới. AI có thể hỗ trợ phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ, cung cấp phản hồi tự động (automated feedback) trong dạy viết và mở rộng cơ hội luyện tập qua hội thoại (Crompton và cộng sự, 2024). Tại

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Việt Nam, Le và cộng sự (2025) ghi nhận việc tích hợp phản hồi AI vào dạy viết giúp cải thiện chất lượng văn bản và năng lực tự đánh giá của người học.

Trường Đại học Mở Hà Nội (Hanoi Open University - HOU), cơ sở tiên phong về giáo dục mở và đào tạo từ xa, đã ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2017-2026 (sửa đổi năm 2021) và Kế hoạch trung hạn 2021-2025, trong đó nhấn mạnh phát triển học liệu số, MOOCs (Massive Open Online Courses) và chia sẻ OER với các đại học mở khu vực (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2021a, 2021b). Tuy nhiên, hai văn bản được ban hành trước làn sóng AI tạo sinh, nên chưa đề cập cụ thể đến cách thức tận dụng AI cho mục tiêu phát triển học liệu ngoại ngữ mở. Các nghiên cứu tại Việt Nam về tích hợp AI vào hệ sinh thái OER ngoại ngữ trong bối cảnh đại học mở cũng còn hạn chế (Dinh và cộng sự, 2025; Nguyen và cộng sự, 2025).

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đặt ra ba câu hỏi: (1) Chiến lược của HOU đặt ra những yêu cầu nào đối với học liệu ngoại ngữ mở? (2) Năm trụ cột trong khung khái niệm 5A-OER có thể đóng góp như thế nào vào việc đáp ứng các yêu cầu đó, và tiêu chí nào căn cứ để ánh xạ từng trụ cột với triết lý 5 Mở? (3) Những rủi ro chính nào cần được kiểm soát khi triển khai, và cơ chế quản trị nào phù hợp với bối cảnh HOU?

## **II. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. OER và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học**

OER được UNESCO (2019) định nghĩa là các tài liệu học tập, dạy học và nghiên cứu nằm trong phạm vi công cộng hoặc được cấp phép mở. Nguyên tắc 5R

do Wiley và Hilton (2018) đề xuất, gồm giữ lại (retain), sử dụng lại (reuse), sửa đổi (revise), kết hợp (remix) và phân phối lại (redistribute), là khung tham chiếu phổ biến để đánh giá mức độ mở. Cronin (2017) mở rộng khái niệm sang thực hành giáo dục mở (Open Educational Practices, OEP), nhấn mạnh sự tham gia, hợp tác và chia sẻ. Tại Việt Nam, Nguyen và cộng sự (2025) xác định bốn rào cản đối với OER trong giáo dục đại học: nhận thức của giảng viên, năng lực số, chính sách bản quyền và hạ tầng công nghệ.

Holmes và cộng sự (2019) phân loại các ứng dụng AI trong giáo dục thành ba nhóm: hệ thống dạy học thông minh (intelligent tutoring systems), trợ giảng AI và phân tích học tập (learning analytics). Bozkurt và cộng sự (2023) nhấn mạnh tác động lưỡng chiều của GenAI: vừa mở rộng năng lực giảng viên và người học, vừa đặt ra thách thức về liêm chính, công bằng và quyền riêng tư. UNESCO (2023) ban hành Hướng dẫn về AI tạo sinh trong giáo dục với nguyên tắc lấy con người làm trung tâm. Miao và cộng sự (2021) đề xuất khung chính sách AI gồm sáu trụ cột: tầm nhìn quốc gia, quản trị, dữ liệu, năng lực giảng viên, đạo đức và đánh giá. Holmes và cộng sự (2022) cảnh báo về giám sát, phân biệt đối xử thuật toán và xói mòn quyền tự chủ học tập từ góc nhìn nhân quyền.

### **2.2. Trí tuệ nhân tạo trong dạy và học ngoại ngữ**

Crompton và cộng sự (2024) tổng hợp các ứng dụng AI trong dạy tiếng Anh qua tổng quan PRISMA với 42 nghiên cứu và xác định các cơ hội cùng thách thức của AI trong dạy nói, viết, đọc và tự điều chỉnh học tập. Báo cáo của Hội đồng

Anh do Edmett và cộng sự (2023) chủ trì đề xuất khung AI có trách nhiệm trong dạy tiếng Anh. Karagoz (2025) tổng hợp 22 nghiên cứu (2024-2025) về phản hồi do AI tạo ra trong dạy viết và kết luận rằng phản hồi AI hiệu quả nhất khi kết hợp với phản hồi của giảng viên. Balci (2024) ghi nhận lợi ích của ChatGPT về phản hồi tức thời và cá nhân hóa, đồng thời cảnh báo nguy cơ phụ thuộc. Li và cộng sự (2025) xác định ba nhóm sử dụng GenAI trong dạy ngôn ngữ: hỗ trợ giảng viên thiết kế bài, hỗ trợ người học luyện tập, và làm đối tượng nghiên cứu của chính người học. Burrows và cộng sự (2022) cung cấp khung năm bước về lựa chọn và chỉnh sửa OER ngoại ngữ. Tại Việt Nam, Le và cộng sự (2025) tích hợp phản hồi AI vào dạy viết tại Đại học Mở Hà Nội với mẫu 384 sinh viên và ghi nhận cải thiện về độ chính xác ngữ pháp và tổ chức bài viết. Dinh và cộng sự (2025) xác định bốn yếu tố thành công đối với việc triển khai AI trong dạy tiếng Anh ở HOU: khả năng sử dụng, tính hữu dụng, độ tin cậy và khả năng tích hợp. Le và Lai (2024) và Nugraha và cộng sự (2025) cho thấy chiến lược tương tác số và môi trường học tập kết hợp có tác động đến thành tựu của giảng viên và người học trong đào tạo từ xa.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng cách tiếp cận định tính, kết hợp phân tích tài liệu và nghiên cứu trường hợp. HOU được chọn theo tiêu chí phù hợp do vai trò tiên phong trong giáo dục mở tại Việt Nam. Tài liệu nghiên cứu gồm ba nhóm nguồn: (1) văn bản chiến lược của HOU, gồm Quyết định số 5989/QĐ-ĐHM (Chiến lược 2017-2026, sửa đổi 2021) và Quyết

định số 4505/QĐ-ĐHM (Kế hoạch trung hạn 2021-2025); (2) văn bản chính sách quốc tế của UNESCO và Ủy ban Châu Âu về AI trong giáo dục; (3) các tổng quan hệ thống và nghiên cứu thực nghiệm đã công bố trên tạp chí có phản biện giai đoạn 2019-2025 về OER, AI và dạy học ngoại ngữ. Nghiên cứu không thực hiện khảo sát, phỏng vấn hay thử nghiệm tại HOU. Quy trình phân tích gồm ba bước: (i) mã hóa có chủ đề (thematic coding): hai người mã hóa độc lập gán mã cho văn bản chiến lược HOU theo bảy chủ đề định sẵn, đạt độ nhất quán  $\kappa = 0,81$  (Cohen's kappa); (ii) đối chiếu: yêu cầu chiến lược từ bước (i) được đối chiếu với bằng chứng từ các tổng quan và nghiên cứu thực nghiệm ở nhóm nguồn (3); (iii) tổng hợp: đề xuất khung khái niệm 5A-OER và xác định rủi ro, biện pháp quản trị. Tính tin cậy được bảo đảm qua tam giác hóa nguồn: kết luận chỉ được ghi nhận khi nhất quán giữa ít nhất hai trong ba nhóm nguồn dữ liệu.

## IV. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Bối cảnh chiến lược của Trường Đại học Mở Hà Nội

Triết lý đào tạo của Trường Đại học Mở Hà Nội được tổng kết qua năm chữ “Mở”: Mở cơ hội, Mở trái tim, Mở trí tuệ, Mở tầm nhìn, Mở tương lai (HOU, 2021b). Tầm nhìn đến năm 2035 đặt mục tiêu đưa Trường Đại học Mở Hà Nội trở thành đại học hàng đầu về giáo dục mở và đào tạo từ xa, đạt chuẩn chất lượng khu vực. Phân tích đối chiếu Chiến lược sửa đổi 2021 và Kế hoạch trung hạn 2021-2025 cho thấy nhiều mục tiêu có liên hệ trực tiếp với phát triển học liệu ngoại ngữ mở (Bảng 1).

Bảng 1. Các mục tiêu chiến lược của HOU liên quan đến học liệu ngoại ngữ mở

| Lĩnh vực                           | Mục tiêu cụ thể đến năm 2026                                                                                                       | Nguồn                     |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Đào tạo bằng tiếng Anh             | 2-3 chương trình đại học chính quy đạt 30% học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh                                          | <i>HOU (2021a, 2021b)</i> |
| Học liệu số cho đào tạo trực tuyến | Đảm bảo 100% học phần trong chương trình đào tạo trực tuyến có học liệu điện tử                                                    | <i>HOU (2021a)</i>        |
| Tài nguyên giáo dục mở             | Phát triển hệ thống MOOCs, tài nguyên giáo dục mở và học liệu số phục vụ xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời | <i>HOU (2021b)</i>        |
| Hợp tác và chia sẻ OER khu vực     | Tổ chức xây dựng và chia sẻ tài nguyên giáo dục mở với ít nhất 3 trường đại học mở trong khu vực                                   | <i>HOU (2021b)</i>        |
| Quy mô đào tạo                     | Quy mô đào tạo không chính quy gấp 2 lần quy mô đào tạo chính quy; tỷ lệ ra trường không đúng thời hạn không quá 15%               | <i>HOU (2021a, 2021b)</i> |

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ HOU (2021a, 2021b)*

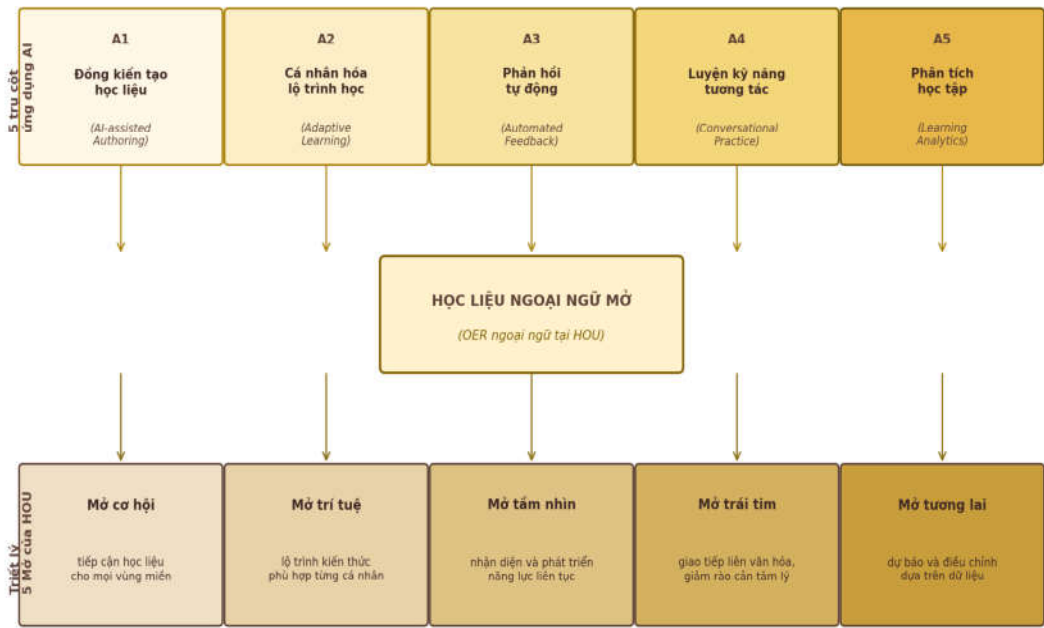
Đối chiếu hai văn bản cho thấy ba đặc trưng: Trường Đại học Mở Hà Nội coi học liệu số và OER là kết cấu hạ tầng nền tảng cho mô hình đào tạo từ xa; tiếng Anh được xác định vừa là chuẩn đầu ra, vừa là môi trường giảng dạy chuyên ngành; và Trường định hướng chia sẻ OER với các đại học mở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, hai văn bản được ban hành năm 2021 nên không đề cập đến AI. Trong điểm yếu được tự nhận diện, Trường ghi nhận “đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn cao còn thiếu”, “việc phát triển các chương trình đào tạo chưa kịp thời” và “chưa đa dạng hóa các chương trình đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn phục vụ nhu cầu học tập suốt đời” (HOU, 2021a). Đây là những điểm mà AI có thể đóng vai trò hỗ trợ.

Học liệu ngoại ngữ mở tại Trường Đại học Mở Hà Nội cần khác biệt so với học liệu số nói chung ở năm tiêu chí: (1) phân tầng theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR) hoặc chuẩn đầu ra của Trường; (2) bao phủ đủ kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kèm từ vựng, ngữ pháp và phát âm; (3) đi kèm phụ trợ sự phạm như transcript, đáp án, rubric đánh giá; (4) có ngữ liệu phản ánh bối cảnh người học Việt

Nam và đại học mở; và (5) có giấy phép mở (Creative Commons), cho phép chỉnh sửa, tái sử dụng và bản địa hóa. Năm tiêu chí này là khung tham chiếu để đánh giá đầu ra của khung 5A-OER đề xuất ở mục 4.2.

#### **4.2. Khung đề xuất ứng dụng AI: Khung 5A-OER**

Dựa trên các yêu cầu chiến lược của HOU và cơ sở lý thuyết, nghiên cứu đề xuất khung khái niệm 5A-OER gồm năm trụ cột ứng dụng AI cho phát triển học liệu ngoại ngữ mở. Khung này khác biệt so với các khung quốc tế hiện có ở ba điểm: (1) trong khi khung của UNESCO (Miao và cộng sự, 2021) hướng đến chính sách vĩ mô và khung của Hội đồng Anh (Edmett và cộng sự, 2023) tập trung vào dạy tiếng Anh nói chung, khung 5A-OER gắn cụ thể với phát triển học liệu mở trong bối cảnh đại học mở đào tạo từ xa; (2) khung bao phủ toàn bộ vòng đời từ sản xuất học liệu (A1) đến phân tích học tập (A5); (3) mỗi trụ cột được neo vào một giá trị trong triết lý 5 Mở theo tiêu chí sự phạm, tạo cơ chế bản địa hóa cho các đại học mở có triết lý tương đồng. Hình 1 minh họa khung 5A-OER với năm trụ cột và ánh xạ tới triết lý 5 Mở.



Hình 1. Khung 5A-OER tích hợp AI vào phát triển học liệu ngoại ngữ mở tại HOU

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ HOU (2021b); Edmett và cộng sự (2023); UNESCO (2023)*

Trụ cột A1, đồng kiến tạo học liệu (AI-assisted Authoring): sử dụng AI tạo sinh hỗ trợ giảng viên soạn thảo bài đọc, bài luyện ngữ pháp, kịch bản hội thoại và đề bài viết, với giảng viên giữ quyền quyết định chuyên môn cuối cùng. Cách tiếp cận này rút ngắn thời gian biên soạn và đa dạng hóa học liệu, hỗ trợ mục tiêu bảo đảm học liệu điện tử cho toàn bộ học phần đào tạo trực tuyến (HOU, 2021a), đồng thời phù hợp với khung chỉnh sửa OER ngoại ngữ của Burrows và cộng sự (2022) và nguyên tắc 5R (Wiley và Hilton, 2018).

Trụ cột A2, cá nhân hóa lộ trình học (Adaptive Learning): AI phân tích dữ liệu tương tác để đề xuất lộ trình cá nhân. Holmes và cộng sự (2019) mô tả các hệ thống dạy học thông minh dùng mô hình người học (learner model) để điều chỉnh độ khó và nhịp độ. Đặc thù người học của Trường rất đa dạng, với quy mô đào tạo không chính quy gấp 2 lần quy mô chính

quy (HOU, 2021b), khiến cá nhân hóa trở thành nhu cầu cấp thiết.

Trụ cột A3, phản hồi tự động (Automated Feedback): có nhiều bằng chứng thực nghiệm nhất. Karagoz (2025) kết luận phản hồi AI mang lại lợi ích về tính tức thời, cá nhân hóa và khả năng mở rộng quy mô, nhưng hiệu quả nhất khi kết hợp với giảng viên. Le và cộng sự (2025) trong nghiên cứu tại Trường Đại học Mở Hà Nội với 384 sinh viên ghi nhận phản hồi AI giúp sinh viên cải thiện độ chính xác ngữ pháp và tổ chức bài viết.

Trụ cột A4, luyện kỹ năng tương tác (Conversational Practice): Chatbot và trợ lý hội thoại AI cung cấp môi trường luyện nói và đọc hiểu không áp lực thời gian. Li và cộng sự (2025) nhấn mạnh GenAI có khả năng tạo các hội thoại đa ngữ cảnh, hỗ trợ luyện tập tiếng Anh chuyên ngành cho mục tiêu giảng dạy 30% học phần bằng tiếng Anh. Le

và Lai (2024) ghi nhận người học EFL Việt Nam trong môi trường học tập kết hợp đánh giá cao các môi trường luyện tập linh hoạt.

Trụ cột A5, phân tích học tập và đảm bảo chất lượng (Learning Analytics): AI phân tích dấu vết học tập (learning traces)

để phát hiện sớm người học có nguy cơ bỏ học, đánh giá chất lượng học liệu và cải tiến chương trình (Crompton và Burke, 2023). Mục tiêu “giảm tỷ lệ người học ra trường không đúng thời hạn không quá 15%” (HOU, 2021a) có thể được hỗ trợ bằng các hệ thống cảnh báo sớm.

Bảng 2. Khung khái niệm 5A-OER: Ảnh xạ năm trụ cột AI với triết lý 5 Mở và cơ sở lý thuyết

| Trụ cột AI                   | Chức năng chính tại HOU                                                                                                     | Ảnh xạ 5 Mở  | Cơ sở lý thuyết chính                                                              |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| A1. Đồng kiến tạo học liệu   | AI hỗ trợ soạn bài đọc, bài luyện ngữ pháp, kịch bản hội thoại, đề bài viết, với giảng viên giữ quyền quyết định chuyên môn | Mở cơ hội    | <i>Burrows và cộng sự (2022); Edmett và cộng sự (2023); Wiley và Hilton (2018)</i> |
| A2. Cá nhân hóa lộ trình học | Mô hình người học điều chỉnh độ khó, lựa chọn nội dung, nhịp độ                                                             | Mở trí tuệ   | <i>Holmes và cộng sự (2019); Crompton và cộng sự (2024)</i>                        |
| A3. Phản hồi tự động         | Phản hồi tức thời cho bài viết và bài luyện ngữ pháp, kết hợp với phản hồi của giảng viên                                   | Mở tầm nhìn  | <i>Karagoz (2025); Thao và cộng sự (2025)</i>                                      |
| A4. Luyện kỹ năng tương tác  | Chatbot, trợ lý hội thoại đa ngữ cảnh phục vụ tiếng Anh chuyên ngành                                                        | Mở trái tim  | <i>Li và cộng sự (2025); Le và Lai (2024)</i>                                      |
| A5. Phân tích học tập        | Cảnh báo sớm rủi ro bỏ học, đánh giá chất lượng học liệu, cải tiến chương trình                                             | Mở tương lai | <i>Crompton và Burke (2023); Cronin (2017)</i>                                     |

Nguồn: Đề xuất của tác giả dựa trên tổng quan tài liệu và phân tích HOU (2021a, 2021b)

Năm trụ cột tích hợp theo nguyên tắc bổ trợ chứ không thay thế giảng viên, phù hợp với khuyến nghị của UNESCO (2023). Để triển khai, Trường cần ba điều kiện nền: hạ tầng tính toán và dữ liệu; bồi dưỡng năng lực số và AI cho giảng viên (Dinh và cộng sự, 2025); và chính sách quản trị AI có trách nhiệm.

4.3. Cơ hội, rủi ro và quản trị

Việc triển khai khung 5A-OER mang lại bốn cơ hội cho Trường: đẩy nhanh tốc

độ sản xuất học liệu; cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho người học đa dạng; mở rộng cơ hội luyện tập tại các trạm đào tạo từ xa; và tạo nội dung phong phú để chia sẻ với các đại học mở khu vực, hỗ trợ chỉ tiêu chia sẻ OER với ít nhất 3 trường đại học mở mà Trường đã đặt ra (HOU, 2021b). Tuy nhiên, năm rủi ro chính cần được kiểm soát bằng khung quản trị bốn cấp (chính sách, kỹ thuật, con người và đánh giá) như trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Năm rủi ro chính và biện pháp quản trị tương ứng

| Rủi ro                 | Mô tả                                                                                | Biện pháp quản trị                                                           | Tham chiếu                       |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Chất lượng và sai lệch | Nội dung sai (hallucination), định kiến trong giải thích từ vựng có sắc thái văn hóa | Quy trình kiểm duyệt nội dung AI; danh mục công cụ được phê duyệt (kỹ thuật) | <i>Bozkurt và cộng sự (2023)</i> |

| Rủi ro                      | Mô tả                                                                                            | Biện pháp quản trị                                                                        | Tham chiếu                                               |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Quyền riêng tư</b>       | Dữ liệu cá nhân và dấu vết học tập có thể lưu trữ ngoài lãnh thổ Việt Nam                        | Chính sách dữ liệu; ưu tiên công cụ tuân thủ pháp luật trong nước (chính sách + kỹ thuật) | <i>Holmes và cộng sự (2022)</i>                          |
| <b>Định kiến thuật toán</b> | Mô hình huấn luyện chủ yếu trên dữ liệu chuẩn Anh-Mỹ, ít phản ánh đặc trưng người học Việt Nam   | Bổ sung dữ liệu địa phương; đánh giá định kỳ kết quả (đánh giá)                           | <i>European Commission (2022)</i>                        |
| <b>Liên chính học thuật</b> | Ranh giới giữa hỗ trợ và gian lận trở nên mờ nhạt                                                | Quy chế ghi nhận đóng góp của AI; chế tài vi phạm (chính sách)                            | <i>Balci (2024); UNESCO (2023)</i>                       |
| <b>Phụ thuộc công nghệ</b>  | Năng lực tư duy phản biện của người học có thể bị xói mòn nếu AI làm thay phần lớn tác vụ tư duy | Bồi dưỡng năng lực giảng viên; thiết kế bài giảng theo nguyên tắc “AI hỗ trợ” (con người) | <i>Miao và cộng sự (2021); Nugraha và cộng sự (2025)</i> |

*Nguồn: Đề xuất của tác giả dựa trên tổng quan tài liệu*

Trường cần triển khai khung quản trị theo bốn cấp: (i) ban hành Quy chế sử dụng AI có trách nhiệm, tham chiếu UNESCO (2023); (ii) thiết lập danh mục công cụ AI được phê duyệt, ưu tiên công cụ tuân thủ pháp luật Việt Nam về dữ liệu; (iii) bồi dưỡng năng lực AI cho toàn bộ giảng viên tham gia phát triển học liệu; (iv) tích hợp chỉ tiêu sử dụng AI có trách nhiệm vào hệ thống đảm bảo chất lượng. Nguyên tắc nền tảng là AI hỗ trợ, không thay thế: vai trò văn hóa và xúc cảm của giảng viên trong dạy ngoại ngữ không thể bị thay thế (Nugraha và cộng sự, 2025).

### V. Kết luận

Nghiên cứu này phân tích bối cảnh chiến lược của Trường Đại học Mở Hà Nội và đề xuất khung 5A-OER cho ứng dụng AI vào phát triển học liệu ngoại ngữ mở. Ba phát hiện chính: (1) các văn bản chiến lược của HOU đã đặt nền tảng cho phát triển học liệu mở và đào tạo trực tuyến, nhưng chưa cụ thể hóa vai trò của AI, đây là một khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu khi cập nhật chiến lược tiếp theo; (2) AI tạo sinh có thể đóng góp ở

năm khía cạnh trong khung 5A-OER, mỗi khía cạnh tương thích với một giá trị trong triết lý 5 chữ Mở; (3) các rủi ro về chất lượng, quyền riêng tư, định kiến thuật toán, liên chính và phụ thuộc công nghệ cần được kiểm soát bằng khung quản trị bốn cấp.

Hạn chế của nghiên cứu là dựa trên phân tích tài liệu, các đề xuất chưa được kiểm chứng qua triển khai thực tế. Các nghiên cứu tiếp theo nếu có thể sẽ triển khai thử nghiệm thí điểm ở một số học phần ngoại ngữ của Trường Đại học Mở Hà Nội, khảo sát nhận thức và năng lực AI của giảng viên ngoại ngữ Việt Nam, đồng thời so sánh với các trường đại học mở khác trong khu vực để phát triển một mô hình OER ngoại ngữ tích hợp AI mang tính khu vực.

### Tài liệu tham khảo

Balci, Ö. (2024). The role of ChatGPT in English as a foreign language (EFL) learning and teaching: A systematic review. *International Journal of Current Educational Studies*, 3(1), 66-82. <https://doi.org/10.5281/zenodo.12544675>

- Bozkurt, A., Xiao, J., Lambert, S., Pazurek, A., Crompton, H., Koseoglu, S., Farrow, R., Bond, M., Nerantzi, C., Honeychurch, S., Bali, M., Dron, J., Mir, K., Stewart, B., Costello, E., Mason, J., Stracke, C. M., Romero-Hall, E., Koutropoulos, A., và Jandrić, P. (2023). Speculative futures on ChatGPT and generative artificial intelligence (AI): A collective reflection from the educational landscape. *Asian Journal of Distance Education*, 18(1), 53-130. <https://doi.org/10.5281/zenodo.7636568>
- Burrows, K. M., Staley, K., và Burrows, M. (2022). The potential of open educational resources for English language teaching and learning: From selection to adaptation. *English Teaching Forum*, 60(2), 2-9.
- Crompton, H., và Burke, D. (2023). Artificial intelligence in higher education: The state of the field. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20, Article 22. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00392-8>
- Crompton, H., Edmett, A., Ichaporia, N., và Burke, D. (2024). AI and English language teaching: Affordances and challenges. *British Journal of Educational Technology*, 55(6), 2503-2529. <https://doi.org/10.1111/bjet.13460>
- Cronin, C. (2017). Openness and praxis: Exploring the use of open educational practices in higher education. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 18(5), 15-34. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v18i5.3096>
- Dinh, T. L., Le, T. M. T., và Nugraha, B. (2025). Digital transformation in English language teaching: An institutional case study of AI adoption. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 16-33. <https://doi.org/10.64233/LXMF4848>
- Edmett, A., Ichaporia, N., Crompton, H., và Crichton, R. (2023). *Artificial intelligence and English language teaching: Preparing for the future*. British Council. <https://doi.org/10.57884/78EA-3C69>
- European Commission, Directorate-General for Education, Youth, Sport and Culture. (2022). *Ethical guidelines on the use of artificial intelligence (AI) and data in teaching and learning for educators*. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2766/153756>
- Holmes, W., Bialik, M., và Fadel, C. (2019). *Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning*. Center for Curriculum Redesign.
- Holmes, W., Persson, J., Chounta, I.-A., Wasson, B., và Dimitrova, V. (2022). *Artificial intelligence and education: A critical view through the lens of human rights, democracy and the rule of law*. Council of Europe Publishing.
- Karagoz, I. (2025). AI-generated feedback in English writing instruction for language learners: A systematic review. *The Reading Matrix: An International Online Journal*, 25(1), 51-67.
- Le, T. T. M., và Lai, M. T. (2024). Benefits and challenges of blended learning implementation: Perspectives from Vietnamese EFL students. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 16(2), 55-65.
- Le, T. M. T., Hoang, T. M., Dinh, T. L., Nguyen, T. N. A. (2025). Integrating AI-based feedback into EFL writing instruction: A case study from a Vietnamese university. *Eurasian Journal of Applied Linguistics*, 11(3), 114-127. <https://doi.org/10.32601/ejal.11311>
- Li, B., Tan, Y. L., Wang, C., và Lowell, V. (2025). Two years of innovation:

- A systematic review of empirical generative AI research in language learning and teaching. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 9, Article 100445. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2025.100445>
- Miao, F., Holmes, W., Huang, R., và Zhang, H. (2021). *AI and education: Guidance for policy-makers*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000376709>
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., và Mac, V. H. (2025). Promoting open educational resources for higher education in Vietnam. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Nugraha, B., Wihadi, M., và Le, T. T. M. (2025). Digital engagement strategies and their impact on EFL teacher achievement in distance education. *English Review: Journal of English Education*, 13(3), 1005-1018. <https://doi.org/10.25134/5r1dcs06>
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2021a). *Quyết định số 4505/QĐ-ĐHM ngày 10 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch phát triển trung hạn Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2021-2025*. Trường Đại học Mở Hà Nội.
- Trường Đại học Mở Hà Nội. (2021b). *Quyết định số 5989/QĐ-ĐHM ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến năm 2035*. Hà Nội: Trường Đại học Mở Hà Nội.
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000383205>
- UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693>
- Wiley, D., và Hilton, J. L., III. (2018). Defining OER-enabled pedagogy. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 19(4). <https://doi.org/10.19173/irrodl.v19i4.3601>

# APPLICATION OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN DEVELOPING OPEN FOREIGN LANGUAGE EDUCATIONAL RESOURCES: INSIGHTS FROM THE DEVELOPMENT STRATEGY OF HANOI OPEN UNIVERSITY

Le Thi Minh Thao<sup>1</sup>

**Abstract:** *The rise of artificial intelligence (AI), particularly generative AI (GenAI), is reshaping how open educational resources (OER) are produced, distributed, and used in higher education. This study analyses the strategic context of Hanoi Open University (HOU) and proposes a framework for integrating AI into the development of open foreign language educational resources, termed the 5A-OER framework. Drawing on document analysis of HOU's medium-term plan 2021-2025, its 2017-2026 development strategy, UNESCO guidance, and published empirical research on AI in EFL teaching, the framework comprises five pillars: AI-assisted authoring, adaptive learning, automated feedback, conversational practice, and learning analytics. Each pillar is mapped to HOU's five-fold "Open" philosophy and accompanied by a four-tier governance structure (policy, technical, human, and assessment) to mitigate risks related to content quality, data privacy, algorithmic bias, academic integrity, and over-reliance. The study contributes a reference framework for open universities in Vietnam and the ASEAN region during the digital transformation and the GenAI era.*

**Keywords:** *Artificial Intelligence, open educational resources, open learning materials, foreign language, open university*

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam